

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B1
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024224	Huỳnh Phúc	An	27/11/2006	8.4	6.5	5.9	5.2	5.2	8.1	5.7	Trung bình
02	2354801024225	Nguyễn Hoài	An	21/04/2008	8.1	8.7	6.8	6.4	5.0	7.1	6.0	Trung bình
03	2354801024227	Trần Lê	Duy	16/02/2008	8.9	6.0	8.5	2.3	2.6	7.0	3.6	Yếu
04	2354801024228	Trần Thanh	Duy	28/03/2008	8.9	9.5	8.0	6.4	6.3	5.3	6.3	Trung bình
05	2354801024229	Lê Tấn	Đạt	01/02/2008	9.4	9.0	9.2	7.8	8.6	9.5	8.5	Giỏi
06	2354801024231	Nguyễn Duy	Hoàng	24/11/2008	7.9	7.1	7.7	5.5	5.4	6.9	5.8	Trung bình
07	2354801024233	Trương Hoàng Nhật	Huy	29/07/2007	9.1	9.7	7.3	6.1	6.8	7.2	6.6	Trung bình
08	2354801024234	Nguyễn	Kha	25/10/2008	9.2	8.9	7.0	7.4	6.8	6.4	7.0	Khá
09	2354801024235	Tăng Hoàng Bảo	Khang	31/05/2008	0.0	2.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
10	2354801024236	Lê Hoàng	Khanh	08/06/2008	9.2	7.8	5.7	5.0	6.8	6.6	6.0	Trung bình
11	2354801024237	Đặng Ngọc Đăng	Khoa	12/01/2008	10.0	10.0	8.4	9.1	7.8	9.2	8.6	Giỏi
12	2354801024238	Nguyễn Anh	Khoa	25/11/2008	9.2	5.4	7.4	7.6	5.0	6.7	6.4	Trung bình
13	2354801024239	Nguyễn Trung	Kiên	24/05/2008	9.8	9.8	8.7	7.9	7.2	8.5	7.8	Khá
14	2354801024240	Hồ Triệu	Long	05/08/2008	9.1	8.7	7.1	8.4	7.4	6.6	7.6	Khá
15	2354801024241	Huỳnh Kim	Long	27/10/2008	9.8	9.8	6.0	6.7	8.1	8.0	7.4	Khá
16	2354801024242	Lê Minh	Long	24/01/2008	9.7	6.0	8.3	8.0	7.9	7.1	7.8	Khá
17	2354801024243	Bùi Hữu	Lượng	01/01/2008	2.9	3.8	0.0	0.0	1.2	0.0	0.5	Yếu
18	2354801024244	Nguyễn Thành	Nam	06/09/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
19	2354801024245	Phạm Dương Hoài	Ngọc	16/02/2008	8.4	8.0	8.0	7.5	6.5	8.3	7.3	Khá
20	2354801024246	Nguyễn Thành	Nguyên	02/08/2008	9.9	9.2	7.6	7.9	6.1	7.3	7.1	Khá
21	2354801024247	Nguyễn Thanh	Nhả	27/04/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024248	Dương Thành	Phát	16/11/2008	9.1	8.5	6.4	5.5	5.1	7.2	5.7	Trung bình
23	2354801024249	Nguyễn Tiến	Phát	01/10/2008	7.9	8.4	7.7	5.8	5.4	7.3	6.0	Trung bình
24	2354801024250	Lê Hoài	Phong	12/10/2008	9.0	6.5	6.6	6.4	7.3	6.6	6.8	Trung bình
25	2354801024251	Nguyễn Hoài	Phúc	10/07/2008	9.8	8.9	7.5	6.9	8.2	7.7	7.6	Khá
26	2354801024252	Nguyễn Thiên	Phúc	23/09/2008	8.4	5.9	6.6	7.4	7.1	7.3	7.2	Khá
27	2354801024253	Trần Trọng	Phúc	15/02/2008	9.4	10.0	8.4	8.1	7.0	9.1	7.9	Khá
28	2354801024254	Võ Hoàng	Phúc	25/06/2008	9.0	4.0	0.0	2.7	2.1	0.0	1.8	Yếu
29	2354801024256	Võ Kim	Sơn	02/04/2008	9.5	8.2	6.5	6.4	7.8	6.7	7.0	Khá
30	2354801024257	Đặng Quốc	Thái	16/05/2007	9.4	6.0	6.0	6.6	8.1	5.9	7.0	Khá
31	2354801024258	Huỳnh Quốc	Việt	30/04/2008	8.6	2.6	0.0	5.0	5.1	0.0	3.9	Yếu

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 12 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái